

NGHỊ QUYẾT

**Về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét Tờ trình số 213/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện Côn Đảo về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-KTXH ngày 13/12/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận tại kỳ họp thứ Chín,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019 của huyện Côn Đảo như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2019: 425.435 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 403.847 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách Nhà nước được UBND tỉnh giao dự toán 2019 là 349.621 triệu đồng, điều tiết cho ngân sách huyện là 328.033 triệu đồng.

- Kết dư ngân sách (năm 2017) bố trí dự toán năm 2019 là 75.814 triệu đồng.

Cụ thể như sau:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là 74.250 triệu đồng. Trong đó, điều tiết ngân sách huyện là 52.662 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh là 275.371 triệu đồng.

- Thu kết dư (năm 2017): 75.814 triệu đồng. **(Chi tiết tại phụ lục số 01)**

2. Tổng chi ngân sách địa phương (huyện): 403.847 triệu đồng, cụ thể:

- Chi xây dựng cơ bản: 65.990 triệu đồng.

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản: 18.005 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 237.606 triệu đồng.
- Dự phòng: 6.432 triệu đồng.
- Chi từ nguồn kết dư: 75.814 triệu đồng (trong đó chi XDCCB: 36.678 triệu đồng, SNMT: 39.136 triệu đồng). **(Chi tiết tại phụ lục số 02)**

Điều 2. Thống nhất với Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 trên cơ sở tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2018 và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019.

Điều 3. Hội đồng nhân dân huyện lưu ý Ủy ban nhân dân huyện tập trung vào những giải pháp sau:

- Tăng cường các biện pháp đôn đốc, kiểm tra chống thất thu thuế, hạn chế nợ đọng thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các sắc thuế nộp vào ngân sách theo quy định.

- Chú trọng chi đầu tư phát triển để làm cơ sở cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Huyện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định nhằm phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, UBND huyện xin ý kiến Thường trực HĐND huyện và báo cáo cho HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất;

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này;

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo Khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TTr. HĐND, UBND tỉnh BR-VT;
- TTr: Huyện ủy; UBND huyện
- Ban TTr Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện
- Đảng Công TTĐT của HĐND huyện ;
- Lưu: VT, TH, TC-KH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Tùng

NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐÀO NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ.HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	UBND tỉnh giao		HĐND huyện giao	
		Thu NSNN	Thu điều tiết NS huyện	Thu NSNN	Thu điều tiết NS huyện
	TỔNG CỘNG	349.621	328.033	425.435	403.847
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	74.250	52.662	74.250	52.662
1	Số thu NQD từ các DN cổ phần hóa trong thời kỳ 2011 -2015				
2	Doanh nghiệp Trung ương	5.700	3.828	5.700	3.828
2.1	Thuế giá trị gia tăng	4.800	3.072	4.800	3.072
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	400	256	400	256
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
2.4	Thuế tài nguyên	500	500	500	500
3	Doanh nghiệp địa phương	10.300	6.952	10.300	6.952
3.1	Thuế giá trị gia tăng	8.000	5.120	8.000	5.120
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.300	832	1.300	832
3.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3.4	Thuế tài nguyên	1.000	1.000	1.000	1.000
4	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	15.000	9.604	15.000	9.604
4.1	Thuế giá trị gia tăng	11.970	7.661	11.970	7.661
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800	1.792	2.800	1.792
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	220	141	220	141
4.4	Thuế tài nguyên	10	10	10	10
5	Thu ngoài quốc doanh	19.800	12.812	19.800	12.812
5.1	Thuế giá trị gia tăng	16.850	10.784	16.850	10.784
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.300	1.472	2.300	1.472
5.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	260	166	260	166
5.4	Thuế tài nguyên	390	390	390	390
6	Lệ phí trước bạ	1.500	1.500	1.500	1.500
7	Thuế thu nhập cá nhân	6.500	2.816	6.500	2.816
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-		-
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
10	Tiền thuê đất	2.000	2.000	2.000	2.000
11	Phí, lệ phí	1.200	1.200	1.200	1.200
12	Thu tiền sử dụng đất	11.000	11.000	11.000	11.000
13	Thuế BVMT				
14	Thu khác ngân sách	1.250	950	1.250	950
	<i>Thu khác ngành thuế thực hiện</i>	300		300	
	<i>Thu khác ngân sách</i>	950	950	950	950
B	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	275.371	275.371	275.371	275.371
1	Bổ sung cân đối	247.182	247.182	247.182	247.182
2	Bổ sung có mục tiêu	28.189	28.189	28.189	28.189
C	THU KẾT DƯ (NĂM 2017)			75.814	75.814



NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQ-HĐND ngày 19 /12/2018 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	GHI CHÚ
	Tổng cộng	328.033	403.847	
I	Chi đầu tư phát triển	83.995	83.995	
1	Chi XDCB	65.990	65.990	
	- Chi XDCB từ nguồn tập trung		40.000	
	<i>Trog đó:</i>			
	- Chi từ nguồn XSKT	8.000	8.000	
	+ Chi đầu tư XD đường giao thông nông thôn			
	- Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	11.000	11.000	
	- Chi đảm bảo mặt bằng dự toán 2016		1.071	
	- Chi từ nguồn tăng thu	5.919	5.919	
	- Chi từ nguồn kết dư			
2	Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	18.005	18.005	
	- Sửa chữa lớn tài sản:			
	- Mua sắm tài sản các cơ quan, đơn vị			
	<i>Trong đó: MSTs khối GD</i>			
II	Chi thường xuyên	237.606	237.606	
1	Chi sự nghiệp kinh tế		84.184	
	- Kinh phí kiến thiết thị chính		17.514	
	- Kinh phí sự nghiệp môi trường		42.719	
	+ Vệ sinh đô thị		5.276	
	+ Chi sự nghiệp môi trường (P.TNMT)		540	
	+ Kinh phí vận hành lò đốt rác		342	
	+ Thu gom rác bãi biển (Bãi Vòng - Suối Ót; cuối tuyến Bến Đầm)		435	
	+ Xử lý rác tại Bãi Nhát		30.000	
	+ Kinh phí SNMT chưa phân bổ		6.126	
	Kinh phí sự nghiệp giao thông		4.240	
	+ Trong đó: sửa chữa thường xuyên		3.740	
	+ Xây dựng đường giao thông nông thôn tạm thời cho các hộ dân có đất canh tác phía sau TTVHHTCĐ KDC số 3		500	
	+ Triển khai các hạng mục đảm bảo ATGT		2.800	
	- Kinh phí trang trí đường hoa xuân vào dịp tết hàng năm.		1.836	
	- Kinh phí vận hành Lò đốt rác		342	
	- Kinh phí cải tạo, nâng cấp đường và bãi đậu xe tại cổng hướng Tây Bắc Nghĩa trang Hàng Dương		2.171	
	- Lắp đặt hệ thống biển báo, phao báo hiệu tuyến, luồng đường thủy nội địa huyện Côn Đảo (GD 1)		14.680	

	- Kinh phí thực hiện đề án dạy và học Tiếng Anh tại Côn Đảo giai đoạn 2015 - 2018		1.604	
	- Kinh phí xây dựng các đường bên hông và trước mặt Trường THCS Côn Đảo		14.500	
	- Kinh phí cho các công trình sự nghiệp có tính chất đầu tư		2.000	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp môi trường		4.300	
	- Chi ứng dụng KHCN		123	
2	Sự nghiệp kinh tế khác		8.088	
3	Sự nghiệp VH TT, TDTT		4.991	
4	Sự nghiệp PTTH		4.728	
5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo		41.010	
	<i>Trong đó giao DT đầu năm:</i>			
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	36.282	39.616	
	<i>Chi đào tạo</i>		1.394	
6	Chi quản lý hành chính		58.407	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi QLNN		33.967	
	- Chi cơ quan Đảng		14.715	
	- Chi Đoàn thể, hội,...		9.725	
7	Chi đảm bảo xã hội		9.655	
8	Chi an ninh - quốc phòng		8.447	
	<i>Trong đó giao DT đầu năm:</i>			
	- Chi an ninh		2.048	
	- Chi quốc phòng		4.510	
9	Chi khác		7.357	
10	Chi trợ giá		9.256	
	<i>Trong đó giao DT đầu năm:</i>			
	- Trợ giá nước			
	+ <i>Trong đó tạm tính giao theo PA trình</i>			
	- <i>Trợ cước vận chuyển hành khách</i>			
11	Chi thi đua, khen thưởng		1.483	
12	Chi thực hiện nguồn cải cách tiền lương			
III	Dự phòng	6.432	6.432	
IV	Chi từ nguồn Kết dư		75.814	

